

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại Khu vực 2 bãi bồi sông Kôn, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Thương mại vận tải xăng dầu Lan Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại Khu vực 2 bãi bồi sông Kôn, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Thương mại vận tải xăng dầu Lan Anh tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 26/3/2021;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại tại Khu vực 2 bãi bồi sông Kôn, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 15/CV-LA ngày 27/5/2021 và Văn bản số 21/CV-LA ngày 24/6/2021 của Công ty TNHH Thương mại vận tải xăng dầu Lan Anh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 600/TTr-STNMT ngày 14/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Thương

mại vận tải xăng dầu Lan Anh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Khu vực 2 bãi bồi sông Kôn, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại trụ sở UBND xã Bình Thành theo quy định.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

4. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM, nếu Dự án không được triển khai, Chủ dự án phải lập lại Báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. *Fu*

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- Công ty TNHH TM vận tải xăng dầu Lan Anh;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Thành;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THƯỜNG THƯỜNG TẠI KHU VỰC 2 BÃI BỒI SÔNG KÔN,
XÃ BÌNH THÀNH, HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH CỦA
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI XĂNG DẦU LAN ANH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại Khu vực 2 bãi bồi sông Kôn, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thương mại vận tải xăng dầu Lan Anh.

1.3. Địa chỉ liên hệ: Lô H29 Lê Đình Lý, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0915130211.

1.4. Quy mô, công suất khai thác:

- Diện tích dự án: 2,5 ha.

- Tuổi thọ mỏ: 05 năm. Thời hạn khai thác 02 năm, khai thác từ ngày 01/01 đến hết ngày 15/9 hàng năm (theo Thông báo số 176/TB-UBND ngày 07/8/2019 của UBND tỉnh và Văn bản số 5958/UBND-KT ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh).

- Thời gian làm việc trong ngày: 8 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Công suất khai thác: 10.232 m³ cát địa chất/năm (tương đương 12.381 m³ cát nguyên khai/năm); chiều sâu khai thác trung bình 2,0 m.

1.5. Phương pháp khai thác: bắt đầu mở vỉa khai thác từ phía Tây Nam dự án (tại điểm góc số 1), khai thác theo lớp bằng. Tuyến khai thác được phát triển theo tuyến song song với hướng dòng chảy của sông, khai thác theo dải, từ thượng lưu về hạ lưu. Sử dụng 01 máy đào để khai thác, tập kết cát tại bãi lưu chứa trước khi đưa lên xe 10 tấn vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

1.6. Hạng mục, công trình của Dự án:

- Xây dựng lán trại tạm; bãi tập kết cát (có lắp đặt trạm cân, camera để giám sát theo quy định).

- Tuyến đường ngoài mỏ

+ Tuyến đường từ đường bê tông liên xã đến tuyến kênh thủy lợi hờ thuộc kênh tưới Văn Phong dài khoảng 575 m, Công ty dự kiến sẽ cải tạo nâng cấp tuyến đường này thành đường bê tông phục vụ dự án.

+ Cầu tạm bắc qua tuyến kênh thủy lợi hờ có chân đỡ là 12 rọ đá xếp thành 2 lớp ở 2 bên (kích thước mỗi rọ đá là 2,0 m x 1,0 m x 0,5 m) và 10 tấm

đan bê tông cốt thép đặt ở trên rọ đá để làm cầu tạm (kích thước mỗi tấm đan bê tông cốt thép là 2,5 m x 0,5 m x 0,15 m).

+ Tuyến đường đất nối từ tuyến kênh thủy lợi hồ thuộc kênh tưới Văn Phong đến bãi bồi hiện trạng, kích thước dài 145 m x rộng 4 m x cao 0,5 m.

+ Tuyến đường đất nối từ bãi bồi hiện trạng đến ranh giới phía Bắc mỏ có chiều dài 130 m x rộng 4 m x cao 0,5 m.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn khai thác

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Tác động liên quan đến chất thải: bụi, tiếng ồn phát sinh trong quá trình vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ; nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Tác động không liên quan đến chất thải: quá trình khai thác cát gây nguy cơ sạt lở bờ và ảnh hưởng đến việc cấp nước cho trạm bơm.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải:

Nước thải sinh hoạt: khoảng 0,56 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao.

Nước mưa chảy tràn (nhiễm đất, cát thải) qua bãi tập kết cát khoảng 113 m³/ngày (tính theo ngày mưa lớn nhất).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi:

Bụi thải phát sinh trong quá trình khai thác và vận chuyển sản phẩm đến nơi tiêu thụ, bụi thải phát sinh từ bãi tập kết cát.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 2 ÷ 4 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên tại khu vực Dự án:

- Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã CTNH: 18 02 01): khoảng 10 kg/năm.

- Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã CTNH: 16 01 06): khoảng 01 kg/năm.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn:

- Bố trí nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại để sử dụng; khi bể đầy, Công ty thuê đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Nước mưa chảy tràn (nhiễm đất, cát thải) qua bãi tập kết cát: tạo các mương thoát nước tạm thời xung quanh bãi tập kết cát để lắng chất thải rắn lơ lửng, giảm thiểu nước mưa chảy tràn chảy có cuốn theo cát gây sa bồi khu vực

đất trồng sản xuất xung quanh bãi tập kết cát; định kỳ trước mùa mưa kiểm tra, nạo vét các mương thoát nước, tránh gây tắc nghẽn.

3.2. Về xử lý bụi:

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát khô, đúng tải trọng; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi ra đường.

- Trên tuyến đường vận chuyển sản phẩm tại những đoạn đi qua khu dân cư: thực hiện phun nước với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Khu vực bãi tập kết cát: thực hiện tưới nước, che chắn đảm bảo giảm thiểu bụi, cát bay.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường:

Trang bị 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại có dán nhãn và thực hiện lưu chứa theo quy định; hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý.

3.5. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai thác			
1.	Sàn gạt mặt bằng khu vực khai thác.	2.500 m ³	Đảm bảo địa hình kết thúc sau khai thác thoải trong bờ ra lòng sông, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh	Hoàn thành trước ngày 30/9 hàng năm.
2.	Tháo dỡ tuyến đường tạm trong mỏ.	400 m ³	Khởi thông dòng chảy.	
3.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực Dự án.	4 cái	Đảm bảo an toàn tại khu vực mỏ.	Hoàn thành trước khi khai thác và giữ lại sau khi kết thúc Dự án.
4.	Đo vẽ địa hình mặt cắt sông khu vực thượng lưu, hạ lưu và khu vực Dự án.	9,45 ha	Giám sát chiều sâu khai thác; đánh giá sạt lở bờ sông.	Sau khi kết thúc khai thác mỗi năm.
II	Khu vực ngoài khai thác			

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1.	Tháo dỡ tuyến đường tạm ngoài mỏ vào năm khai thác cuối.	700 m ³	Thông thoáng dòng chảy.	Hoàn thành trước ngày 30/9 hàng năm.
2.	Đóng cọc tre gia cố bờ phía Bắc	100 m	Đảm bảo an toàn cho khu vực bờ sông để bị sạt lở trong phạm vi khai thác của dự án	Hoàn thành trước khi khai thác.

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **55.789.000** đồng (*Năm mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

- Số lần ký quỹ: 02 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 13.947.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2, số tiền: 41.842.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thực hiện khai thác đúng quy trình, đúng độ sâu cho phép.

- Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, Công ty sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

- Giám sát sự cố sạt lở 2 bên bờ; đo đạc, giám sát chiều sâu khu vực khai thác để có phương pháp điều chỉnh độ sâu khai thác phù hợp.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- Nhà vệ sinh di động.

- Thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Thùng lưu chứa chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giám sát nước mặt khu vực hạ lưu dự án với các thông số: pH, TSS, DO, Tổng dầu mỡ, BOD₅, COD, Coliform; so sánh với cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; tần suất giám sát 06 tháng/lần.

5.2. *Giám sát bụi lơ lửng (TSP)*: 01 điểm trên tuyến đường liên xã đi qua khu vực dân cư; thông số giám sát: bụi lơ lửng (TSP), so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát 06 tháng/lần.

5.3. Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh; tần suất giám sát 06 tháng/lần.

5.4. Giám sát sự cố sạt lở 02 bên bờ: định kỳ 06 tháng/lần, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tây Sơn, UBND xã Bình Thành.

5.5. Trước ngày 31/12 hàng năm, thực hiện đo đạc và giám sát độ sâu khu vực khai thác, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi.